

VIỆT NAM

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã làm chậm tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam. Kể từ quý ba năm 2008, giá hàng hóa thế giới có xu hướng giảm, trong quý bốn năm 2008, các đơn hàng xuất khẩu đối với các sản phẩm dệt may và các sản phẩm công nghiệp khác đã sụt giảm và sự trì trệ trong sản xuất ngày càng hiện rõ. Trong quý một năm 2009, tác động của khủng hoảng đã trở nên rõ ràng khi GDP chỉ tăng 3,1% so với năm trước, và thấp hơn 4 phần trăm so với mức tăng trưởng bình quân của quý một của một vài năm trước. Tuy nhiên, nhờ có những nỗ lực của chính phủ nhằm hỗ trợ các hoạt động kinh tế, những dấu hiệu tích cực của sự phục hồi cũng đang xuất hiện. Chính phủ đã công bố gói kích thích bao gồm nhiều biện pháp khác nhau, từ việc trợ cấp lãi suất, hoãn thuế đến việc giải ngân thêm vốn. Kết quả là GDP đã tăng 4,5% vào quý hai và 5,8% vào quý ba, làm cho tốc độ tăng GDP thực sự đạt 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái tính từ tháng Một đến tháng Chín. Trong khi khu vực sản xuất vẫn còn phải đối mặt với những thách thức lớn do nhu cầu giảm sút thì ngành xây dựng lại đang dần đầu về tốc độ phục hồi, với giá trị thặng dư trong ngành ước đạt tới tỷ lệ tăng trưởng hai con số trong cả năm. Một yếu tố quan trọng khác góp phần làm nên quá trình phục hồi, đó là sức mua nội địa với mức tăng doanh thu bán lẻ thực tế lên 9,3% so với cùng kỳ từ tháng Một đến tháng Tám năm ngoái. Mặc dù Ngân hàng Thế giới dự đoán mức tăng trưởng cả năm 2009 của Việt Nam sẽ là 5,5%, hoặc thấp hơn 2 phần trăm so với trung bình các năm trước, chúng ta tin tưởng rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ tự tìm đường thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng một cách tốt đẹp.

Cuộc suy thoái kinh tế thế giới đã có ảnh hưởng rõ rệt đến khu vực xuất nhập khẩu của Việt Nam mà trong đó mối lo ngại chính là hoạt động xuất khẩu, vốn chiếm 70% GDP. Trong tám tháng đầu năm 2009, xuất khẩu tính theo đôla đã giảm 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ xuất khẩu đều giảm ở hầu khắp các mặt hàng và các thị trường truyền thống của Việt Nam. Mặc dù sự giảm sút này còn ít hơn ở các nước đang phát triển khác, nhưng nó cũng làm cho năm 2009 trở thành năm đầu tiên Việt Nam phải gánh chịu sự sụt giảm về xuất khẩu kể từ khi bắt đầu cải cách kinh tế. Về nhập khẩu, tám tháng đầu năm 2009 đã chứng kiến sự suy giảm còn mạnh mẽ hơn, thấp hơn 28,2% so với cùng kỳ năm trước. Sự xuống dốc tương đối của xuất khẩu và nhập khẩu lại giúp thu hẹp thâm hụt cán cân thương mại và thậm chí thâm hụt tài khoản vãng lai, trong đó thâm hụt tài khoản vãng lai được ước đoán ở mức 5 phần trăm của GDP năm 2009, giảm xuống từ 11,9% năm 2008. Mức thâm hụt thực tế có thể còn cao hơn thế nếu nền kinh tế tiếp tục đi mạnh đà phục hồi hiện nay. Mặc dù có thể quản lý được mức thâm hụt tài khoản vãng lai theo dự đoán nhưng dự trữ ngoại tệ lại sụt giảm từ mức 23 tỷ đôla vào cuối năm 2008 xuống còn khoảng 16,5 tỷ vào tháng Tám năm 2009. Phần lớn sự sụt giảm diễn ra vào giữa tháng Năm và tháng Bảy khi ngân hàng trung ương tác động vào thị trường hối đoái nhằm bình ổn tiền tệ.

Sự thâm hụt tài chính có khả năng tăng lên đến 9,4% GDP trong năm 2009, phản ánh mức sụt giảm doanh thu và chi phí tiêu dùng tăng lên đáng kể. Doanh thu thường có xu hướng suy giảm cùng với sự suy thoái của các hoạt động kinh tế, giá dầu giảm và các biện pháp giãn thuế khác nhau trong các gói kích thích. Mức chi tiêu đã tăng đáng kể do có các biện pháp kích thích tiêu dùng và cam kết của chính phủ nhằm đảm bảo mang lại an sinh xã hội. Trong khi Việt Nam có thể kêu gọi thêm các nguồn tài chính từ bên ngoài thì vẫn còn tồn tại một khoảng trống tài chính đáng kể và chính phủ cần phải xem xét lại gói

kích thích của mình để đảm bảo duy trì cân bằng tài chính ở mức có thể kiểm soát được. Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý rằng nguyên nhân kim hãm việc hỗ trợ năng lực tài chính của chính phủ bắt nguồn từ những nguồn tài chính ngắn hạn chứ không phải từ khả năng duy trì nợ trung hạn.

Sau một giai đoạn thắt chặt trong năm 2008 để giải quyết tình trạng quá nóng, chính sách tiền tệ đã được nới lỏng đáng kể nhằm hỗ trợ nhu cầu nội địa. Ngân hàng trung ương đã cắt giảm một nửa lãi suất với các khoản vay chính sách xuống còn 7% từ giữa năm 2008 đến tháng Hai năm 2009. Cắt giảm lãi suất đối với vay chính sách và hỗ trợ lãi suất đã thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của ngân hàng. Chỉ số định lượng về chất lượng danh mục đầu tư của ngân hàng (dựa trên thời gian thiếu nợ và nợ lũy tiến) đã cho thấy nợ xấu (NPLs) đang tăng. Do lãi suất cho vay không được phép cao hơn lãi suất đối với vay chính sách quá 50%, nên mức chênh lệch lãi suất của các ngân hàng thương mại bị thu hẹp đáng kể. Lãi suất thấp có thể gây khó khăn cho chính phủ trong việc phát hành trái phiếu và gây ra tâm lý lưỡng lự của các nhà đầu tư khi bán ngoại hối. Nhận ra các nguy cơ đang nổi lên từ chính sách nới lỏng tiền tệ, ngân hàng trung ương gần đây đã yêu cầu các ngân hàng thương mại lớn phải giữ tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 25% trong năm nay.

Tỉ lệ nghèo đói ở Việt Nam tiếp tục giảm, mặc dù giá lương thực và nguyên liệu tăng cao trong suốt nửa đầu năm 2008 và tiếp đó là thời kỳ phát triển trì trệ từ cuối năm 2008 đến 2009. Trong khi nghèo đói nhìn chung đã giảm, sự bất ổn của nền kinh tế trong hai năm qua đã cho thấy những điểm dễ bị tổn thương và những thách thức còn ở phía trước. Đánh giá đói nghèo có sự tham gia của người dân (PPA) tiến hành từ đầu năm 2008 ở các cộng đồng nông thôn ở Việt Nam đã cho thấy những tiến bộ đáng kể gần đây của Việt Nam trong quá trình phát triển nông thôn. Các đối tượng của PPA đã chỉ ra tăng trưởng bền vững đối với hạ tầng cơ sở ở nông thôn, cơ hội tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ, năng xuất nông nghiệp tăng cao ở nhiều vùng và nhiều cơ hội để đa dạng hóa các nguồn thu nhập ở nông thôn hơn. PPA và các nghiên cứu liên quan cũng chỉ ra một số tiến bộ còn chậm ở các vùng nghèo, tập trung nhiều dân tộc thiểu số. Ngoài ra những đánh giá nhanh về tác động xã hội của cuộc khủng hoảng tài chính thực hiện vào tháng Hai và tháng Tư năm 2009 đã chỉ ra những đối tượng dễ bị tổn thương trong những khu vực dân cư nhất định, trong đó phần đông là những người lao động di cư, người lao động không đúng chuyên môn và các doanh nghiệp hộ gia đình. Việc đầu tư nhiều hơn và hiệu quả hơn vào giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực tương lai của Việt Nam sẽ giúp giảm bớt số lượng những đối tượng dễ bị tổn thương do sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ và có nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế hơn. Tuy nhiên, hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam còn kém phát triển so với nhiều nước khác; đó là một khoảng cách cần phải giải quyết khi đất nước đang trên đà phát triển hơn nữa.